

Bản án số: 1254/2024/HC-PT

Ngày 12 tháng 12 năm 2024

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính, hành  
vi hành chính trong lĩnh vực giải phóng mặt  
bằng, bồi thường hỗ trợ, tái định cư”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Vương Minh Tâm

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 353/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 4 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3235/2024/QĐPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **Đặng Duy H**, sinh năm 1960 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 73 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Số 54/30/4 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

## **2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;**

Cùng địa chỉ: Số 387A Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình:* Ông Nguyễn Bá T<sup>1</sup>, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

## **2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;**

Địa chỉ: Số 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Phan Văn M, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Nguyễn Tấn T<sup>2</sup>, Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình – Có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1964; Cùng địa chỉ người khởi kiện – Có mặt;

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Đặng Duy H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T;

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/9/2015, đơn yêu cầu bổ sung ngày 06/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đặng Duy H trình bày:*

Nguồn gốc đất do Sư đoàn 370 cấp cho ông H theo Quyết định số 10/QĐ ngày 10/11/1988, diện tích 144 m<sup>2</sup>, ông H tự xây nhà. Năm 1991, Sư đoàn 370 hoá giá nhà cho các hộ được cấp đất trong đó có ông H theo Hợp đồng số 416 ngày 24/10/1991, diện tích khuôn viên là 101 m<sup>2</sup>. Năm 1999, ông H kê khai đăng ký nhà đất diện tích 190 m<sup>2</sup> và sử dụng đến nay.

Theo họa đồ hiện trạng số 215/TSN-BL-VĐN ngày 30/3/2009 do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Tân Bình lập thì vị trí ranh giới đất thu hồi tổng diện tích 187,81 m<sup>2</sup> (trong đó có 78,9 m<sup>2</sup> thuộc dự án TSN-BL-VĐN và 109,72 m<sup>2</sup> thuộc dự án mương Nhật Bản) thuộc Thửa đất số 70, Tờ bản đồ số 13 (BĐĐC 2005) do ông Đặng Duy H là chủ sử dụng tại số 73 Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình.

Ông H nhận được Quyết định thu hồi đất số 51/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 (sau đây viết tắt là Quyết định số 51) và Quyết định bồi thường số 151/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 (sau đây viết tắt là Quyết định số 151) với tổng số tiền 4.511.960.544 đồng. Ông H khiếu nại việc bồi thường không đúng giá thực tế thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 bác khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 70/QĐ-CC ngày 21/11/2011 (sau đây viết tắt là Quyết định số 70) cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất. Ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được xác minh nhưng đến cuối tháng 5/2012 thì chuyển đơn của ông về lại quận Tân Bình.

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 14/12/2013 (sau đây viết tắt là Quyết định số 747) hỗ trợ bổ sung đơn giá 30% số tiền 270.000.000 đồng phần diện tích 28 m<sup>2</sup> nhà nước không hóa giá; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 13/10/2013 (sau đây viết tắt là Quyết định số 30) giải quyết khiếu nại. Ông tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4971/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 (sau đây viết tắt là Quyết định số 4971) bác khiếu nại của ông.

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 (sau đây viết tắt là Quyết định số 124) hỗ trợ thêm về nhà đất cho ông với số tiền 1.884.231.856 đồng và ban hành Văn bản số 1997/UBND-DA ngày 06/11/2015 (sau đây viết tắt là Văn bản số 1997) theo đó tổng số tiền theo 03 quyết định số 151, Quyết định số 747 và Quyết định số 124 là 6.666.672.400 đồng và tiền lãi 518.886.076 đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 16/3/2015 (sau đây viết tắt là Quyết định số 09) sửa đổi khoản 1 Điều 3 Quyết định số 70/QĐ-CC ngày 21/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc cưỡng chế thu hồi đất;

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Thông báo số 395/UBND-DA ngày 17/3/2016 (sau đây viết tắt là Thông báo số 395) về việc nhận nền đất tái định cư tại khu nhà ở Cư xá Tân Sơn, Phường 15, quận Tân Bình.

Ông Đặng Duy H cho rằng nhà đất của ông không nằm trong ranh đất thu hồi của dự án và việc bồi thường, hỗ trợ cho ông không đúng quy định của luật, không đúng về diện tích, giá bồi thường và chính sách tái định cư nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định và văn bản sau đây: Quyết định số 51, Quyết định số 151, Quyết định số 70, Quyết định số 747, Quyết định số 30, Quyết định số 4971, Quyết định số 124, Quyết định số 09, Văn bản số 1997,

Thông báo số 395 và tuyên hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 23/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình là trái pháp luật.

*Tại Công văn số 2496/UBND-ĐT ngày 17/12/2021 của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và người đại diện hợp pháp trình bày:*

Quyết định thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được Ủy ban nhân dân quận ban hành và phê duyệt theo quy định, được công khai và có hiệu lực thi hành;

Chủ sử dụng đất không chấp hành quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 70 cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất là đúng quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật đất đai năm 2003.

Ngày 01/7/2013 Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực nên có thay đổi về quy định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 09 sửa đổi khoản 1 Điều 3 Quyết định số 70 (*Sửa đổi giao Ban thực hiện cưỡng chế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện*). Từ căn cứ trên, việc ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 4 Điều 6 Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định: Diện tích được bồi thường là diện tích xác định trên thực địa – thực tế đo đạc diện tích thu hồi của từng người sử dụng đất. Biên bản kiểm tra nội dung kê khai và kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại do Tổ công tác lập ngày 26/6/2009 thì diện tích khuôn viên đo đạc thực tế là 190 m<sup>2</sup> (Bút lục 171). Phiếu xác nhận số 10A/XN-UBND ngày 22/9/2009 của Ủy ban nhân dân Phường 2 thì diện tích khuôn viên 190 m<sup>2</sup> gồm 101,8 m<sup>2</sup> được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở năm 1994 và diện tích 88,20 m<sup>2</sup> không được công nhận trong Giấy chứng nhận năm 1994. Do đó, diện tích khuôn viên căn nhà số 73 Bạch Đằng 2 để tính bồi thường có diện tích 190 m<sup>2</sup> là phù hợp với quy định, không phải là 195 m<sup>2</sup>.

Phần 101,8 m<sup>2</sup> trong giấy chứng nhận năm 1994 được bồi thường 100% đơn giá đất ở. Phần 88,2 m<sup>2</sup> không nằm trong giấy chứng nhận năm 1994, gồm: 28 m<sup>2</sup> không đưa vào bán hóa giá năm 1992 thì không tính bồi thường, phần diện tích 60,2 m<sup>2</sup> do lấn chiếm từ tháng 8/1993 được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường (căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 26 Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Về nguồn gốc đất: Do Sư đoàn 370 cấp theo Giấy cấp tạm nhà số 199/QĐ ngày 15/7/1988. Quyết định số 544/QĐND ngày 10/12/1992 của Sư đoàn 370

kiểm kê quản lý nhà ở, diện tích khuôn viên 101,00 m<sup>2</sup>. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5773/CN-UB ngày 24/10/1994 với diện tích 101,8 m<sup>2</sup> và nộp thuế trước bạ khuôn viên diện tích 101 m<sup>2</sup>. Nhà mua hóa giá ngày 10/12/1992, được cấp giấy chứng nhận năm 1994, cải tạo xây dựng thêm tháng 8/1993 không phép.

Thực hiện mục 4.6 phần 4 Kết luận số 158/KL-TTTP ngày 30/01/2011 của Thanh tra Chính phủ và Công văn số 43/UBND-ĐTMT-M ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung: “*Chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố tại Công văn số 07/HDTĐBT-TTr-M ngày 06 tháng 01 năm 2015 [tính hỗ trợ bằng bồi thường, đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân quận Tân Bình căn cứ Phương án bồi thường để xác định nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định (quy định về hạn mức đất ở)]*”. Quyết định số 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định hạn mức đất ở tại quận Tân Bình là 160 m<sup>2</sup>. Diện tích khuôn viên nhà ông H 190 m<sup>2</sup>, vượt hạn mức đất ở là 30 m<sup>2</sup> không bán hóa giá, không được công nhận trong Giấy chứng nhận năm 1994 nên việc trừ nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích 30 m<sup>2</sup> này là phù hợp quy định trên.

Căn cứ Công văn số 598/UBND-ĐTMT ngày 24/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thẩm định đơn giá đất tính bồi thường dự án đầu tư xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi - Vành đai ngoài và Công văn số 605/UBND-ĐTMT ngày 04/12/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về xác định đơn giá đất để tính bồi thường dự án cải tạo đường Nhật Bản thì đơn giá tính bồi thường mặt tiền đường Bạch Đằng 2 là 32.200.000 đồng/m<sup>2</sup>, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà thể hiện nhà của ông H có vị trí mặt tiền đường Bạch Đằng 2, nên đã bồi thường giá 32.200.000 đồng/m<sup>2</sup> là đúng quy định, không có cơ sở để bồi thường giá 120.000.000 đồng/m<sup>2</sup> theo yêu cầu của ông H.

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 giao nền tái định cư tại Khu nhà ở Tân Sơn, Phường 15, quận Tân Bình và ông H, bà T đã nhận nền tái định cư trên thực địa vào ngày 16/01/2020.

Từ những căn cứ trên, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

*Tại Công văn số 2841/UBND-NCPC ngày 23/8/2021 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Giữ nguyên Quyết định số 4971 và yêu cầu Tòa án bác khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định số 4971.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày: Thông nhất lời trình bày của người khởi kiện ông Đặng Duy H.*

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 143, khoản 1, khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Duy H, về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Hủy Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Hủy Quyết định số 70/QĐ-CC ngày 21/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc hỗ trợ thêm đối với căn nhà Số 73 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình để thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Hủy Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Duy H;

- Hủy Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 14/12/2013 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc hỗ trợ bổ sung đối với căn nhà Số 73 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình để thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Hủy Quyết định số 4971/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Duy H;

- Hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 16/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc sửa đổi khoản 1 Điều 3 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Hủy Văn bản số 1997/UBND-DA ngày 06/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc tổng hợp thông tin về quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị chính sách bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với căn nhà số 73 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình thuộc dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Hủy Thông báo số 395/UBND-DA ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thông báo nhận nền đất tái định cư tại khu nhà ở Cư xá Tân Sơn, Phường 15, quận Tân Bình;

- Tuyên hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 23/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình là trái pháp luật;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 15/01/2024, ông Đặng Duy H và bà Phạm Thị T đều có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Ông Đặng Duy H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, vì Thanh tra Chính phủ đã kết luận Quyết định số 51 và Quyết định số 151 đều vi phạm pháp luật; Dự án đã làm xong, vị trí nhà đất của ông nằm ngoài dự án nhưng vẫn bị thu hồi là trái pháp luật, tuy nhiên hiện nay các con đường đã được làm xong nên ông đành phải chấp nhận, nhưng việc bồi thường chưa thỏa đáng nên ông không đồng ý và yêu cầu phải được bồi thường thỏa đáng theo quy định của pháp luật; Diện tích khuôn viên đất của ông là 195 m<sup>2</sup> nhưng chỉ bồi thường 190 m<sup>2</sup> là không đúng, gia đình ông quản lý sử dụng đất từ trước đến nay, không có chiếm đất nhưng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình xác định chiếm đất đường 5,2 m<sup>2</sup> là không đúng; Quyết định hóa giá cho gia đình ông là hóa giá nhà chứ không hóa

giá đất nhưng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình căn cứ vào quyết định hóa giá nhà để xác định diện tích đất là không đúng.

Bà Phạm Thị T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 2 và đơn vị quân đội đã có văn bản xác định gia đình bà không chiếm đất, Tòa án cấp sơ thẩm xác định gia đình bà chiếm đất đường 5,2 m<sup>2</sup> nhưng không nêu ra được căn cứ vào quyết định nào xác định việc này; Nhà đất là của chung vợ chồng nhưng quyết định thu hồi đất chỉ ghi thu hồi đất của ông H mà không ghi thu hồi đất của bà là không đúng; Quyết định số 64 là áp dụng đối với người dân bình thường, còn gia đình bà là người có công với cách mạng, ông H là thương binh nên không áp dụng hạn mức diện tích đất ở 160 m<sup>2</sup>, mà phải là 200 m<sup>2</sup> nên việc khấu trừ nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích vượt 160 m<sup>2</sup> của gia đình bà là không đúng; Gia đình bà có nhiều hộ ghép với tổng cộng 09 nhân khẩu, bị giải tỏa trắng nhưng chỉ được cho mua 01 nền tái định cư, bà xin mua thêm 01 nền tái định cư nhưng không được chấp thuận là không thỏa đáng, không đảm bảo quyền lợi của gia đình bà, trong khi Thanh tra Chính phủ đã kiến nghị cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện dự án nhưng phải bồi thường thỏa đáng cho dân, nhưng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình bồi thường không thỏa đáng.

Ông Nguyễn Tấn T<sup>2</sup> không đồng ý kháng cáo của ông Đặng Duy H và bà Phạm Thị T, vì Thanh tra Chính phủ đã kiến nghị cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện dự án; Theo bản vẽ của chính ông H thuê đo đạc và cung cấp thì trong diện tích 195 m<sup>2</sup> đã có 5,2 m<sup>2</sup> thuộc đường, nên xác định diện tích của ông H được bồi thường 190 m<sup>2</sup> là đúng, không có cơ sở để bồi thường 195 m<sup>2</sup>; Qua các quyết định bồi thường, bồi thường bổ sung thì ông H đã được bồi thường 100% đất ở; Đơn giá đất ở tính bồi thường cho ông H 32.200.000 đồng/m<sup>2</sup> là đúng, còn mức giá bồi thường 60.386.000 đồng/m<sup>2</sup> là đối với các hộ bị thu hồi đất lệch tim đường; Quyết định số 64 là chính sách hỗ trợ riêng của Thành phố, nên phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích vượt hơn định mức 160 m<sup>2</sup>; Ông H, bà T đã được bố trí 01 nền tái định cư là đúng quy định theo Phương án bồi thường, việc ông bà yêu cầu được bố trí thêm 01 nền tái định cư là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của ông Đặng Duy H và đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người bị kiện có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và có cử người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện tham gia phiên tòa, nên theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010; xác định thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Quyết định số 51, Quyết định số 151, Quyết định số 124, Quyết định số 747, Quyết định số 70 đều được ban hành đúng quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 39, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Quyết định số 09 được ban hành đúng quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 30 được ban hành đúng quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Quyết định số 4971 được ban hành đúng quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011;

[4] Về nội dung:

[4.1] Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 29/6/2004 giao đất cho Công ty thoát nước đô thị Thành phố để thực hiện dự án đầu tư cải tạo tuyến Mương Nhật Bản và ban hành Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 19/7/2005 phê duyệt quy hoạch phương án tuyến dự án xây dựng đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài. Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1753/VPCP-KNTN ngày 23/3/2011 thông báo kết luận của Phó Thủ tướng: “Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo tiếp tục thực hiện dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài theo hợp đồng BT đã ký, không phải phê duyệt lại dự án”.

Theo bản vẽ tỷ lệ 1/10.000 do Công ty GS Engineering & Construction được Sở Giao thông Công chánh và Sở Quy hoạch Kiến trúc thẩm định thì phần nhà đất của ông H bị thu hồi nằm hoàn toàn trong dự án xây dựng đường nói Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài. Do đó, việc ông H, bà T cho rằng phần đất thu hồi của ông H, bà T nằm ngoài ranh giới của dự án là không có cơ sở.

**[4.2]** Như đã phân tích ở tích mục [4.1], dự án nêu trên được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho tiếp tục thực hiện mà không phải phê duyệt lại dự án, nên việc thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 39 Luật đất đai năm 2003; điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và vì vậy việc bồi thường, tái định cư được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003;

Trên cơ sở Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Phương án số 29/PA-HĐBT ngày 24/7/2007 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án đầu tư cải tạo tuyến Mương Nhật Bản và Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi đất tại các quận: Tân Bình, Gò Vấp, Bình Thạnh và Thủ Đức để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng tuyến đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài. Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành các quyết định gồm: Quyết định số 51, Quyết định số 151, Quyết định số 124, Quyết định số 747 là đúng quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003;

**[4.3]** Theo Bản vẽ hiện trạng nhà ở hộ gia đình ngày 16/12/1991 (bản vẽ bán hóa giá nhà Số 73 Bạch Đằng 2) thì nhà đất của ông H có diện tích khuôn viên là 101,8 m<sup>2</sup>; Quyết định số 544/QĐND ngày 10/12/1992 của Sư đoàn 370 thì nhà đất của ông H có diện tích khuôn viên là 101 m<sup>2</sup>; theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5772/CN-UB ngày 24/10/1994 công nhận diện tích 101,8 m<sup>2</sup>, đóng thuế trước bạ diện tích 101 m<sup>2</sup>; theo Biên bản kiểm kê ngày 26/6/2009 thì diện tích khuôn viên là 190 m<sup>2</sup>.

Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 11/8/2009 do ông H tự yêu cầu Công ty TNHH MIPHA đo vẽ thể hiện diện tích là 195,1 m<sup>2</sup> (bao gồm thửa 70 là 189,5 m<sup>2</sup>, thửa 71 là 0,4 m<sup>2</sup> và phần đường là 5,2 m<sup>2</sup>). Như vậy, nếu trừ phần đường diện tích 5,2 m<sup>2</sup> thì diện tích thửa 70, thửa 71 của ông H chỉ có 189,9 m<sup>2</sup> nên việc ông H yêu cầu được bồi thường diện tích 195 m<sup>2</sup> là không đúng.

**[4.4]** Trong diện tích 190 m<sup>2</sup> của ông H thì có 101,8 m<sup>2</sup> nằm trong Giấy chứng nhận năm 1994, còn lại 88,2 m<sup>2</sup> không nằm trong Giấy chứng nhận năm 1994. Qua các lần bồi thường tại Quyết định số 151 và Quyết định số 124 thì ông H đã được bồi thường toàn bộ 190 m<sup>2</sup> với 100% đơn giá bồi thường đất ở. Tuy nhiên, diện tích của ông H là 190 m<sup>2</sup>, vượt hạn mức đất ở là 30 m<sup>2</sup> (190 m<sup>2</sup> – 160 m<sup>2</sup>) nhưng bảng tính số 02/HĐBT ngày 05/01/2010 không trừ nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích vượt hạn mức đất ở là không đúng theo quy định tại Quyết định số 64/2001/QĐ-UB ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên Quyết định số 747 điều chỉnh nghĩa vụ tài chính, Văn bản số 1997, Thông báo số 395 đều đúng quy định của pháp luật.

[4.5] Văn bản số 6303/UBND-NCPC ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “*Không có việc Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thực hiện tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho 17 hộ dân quận Tân Bình như 47 hộ dân ở quận Gò Vấp*”. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận việc ông H yêu cầu áp giá bồi thường theo giá đất tại Văn bản số 673/HĐTĐBT-TTr ngày 04/8/2014 và Thông báo số 698/TB-VB ngày 08/9/2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân quận Tân Bình đã áp giá bồi thường theo quy định tại Điều 4 Phần II Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 với đơn giá 32.200.000 đồng/m<sup>2</sup> là có căn cứ.

[4.6] Ông H, bà T bị thu hồi diện tích 190 m<sup>2</sup>, ông H, bà T đã nhận 01 nền tái định cư vào ngày 16/01/2020 nên việc ông H, bà T yêu cầu được mua thêm 01 nền tái định cư là không có cơ sở.

[4.7] Ủy ban nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện việc bồi thường đúng quy định của pháp luật, ông H chưa đồng ý và chưa nhận bồi thường không do lỗi của cơ quan có trách nhiệm bồi thường và Hội đồng bồi thường đã gửi tiền bồi thường của ông H vào Ngân hàng từ ngày 12/4/2010 đã có phát sinh tiền lãi Ngân hàng, nên việc ông H yêu cầu tính thêm tiền lãi (ngoài khoản tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng) là không có cơ sở để chấp thuận.

[4.8] Ông H, bà T không tự nguyện thực hiện quyết định thu hồi đất, nên Ủy ban nhân dân quận Tân Bình đã ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 70 và Quyết định số 09, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất là đúng quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật đất đai năm 2003, Điều 32 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

[4.9] Các quyết định gồm: Quyết định số 51, Quyết định số 151, Quyết định số 124, Quyết định số 747, Quyết định số 70 đều đúng quy định của pháp luật, nên Quyết định số 70 và Quyết định số 4971 đều bác khiếu nại của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Từ các phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Duy H và bà Phạm Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Ông Đặng Duy H và bà Phạm Thị T đều là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm;

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 và Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Duy H và bà Phạm Thị T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Bác khởi kiện của ông Đặng Duy H về việc yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 23/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình là trái pháp luật và bác toàn bộ khởi kiện của ông Đặng Duy H về việc yêu cầu hủy các quyết định, văn bản, thông báo sau đây:

- Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Quyết định số 70/QĐ-CC ngày 21/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc hỗ trợ thêm đối với căn nhà Số 73 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình để thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Duy H;

- Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 14/12/2013 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc hỗ trợ bổ sung đối với căn nhà Số 73 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình để thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn

Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Quyết định số 4971/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Duy H;

- Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 16/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc sửa đổi khoản 1 Điều 3 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất thực hiện dự án đường nội Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Văn bản số 1997/UBND-DA ngày 06/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc tổng hợp thông tin về quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị chính sách bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với căn nhà Số 73 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình thuộc dự án đường nội Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài và dự án đầu tư cải tạo tuyến đường Nhật Bản trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

- Thông báo số 395/UBND-DA ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thông báo nhận nền đất tái định cư tại khu nhà ở Cư xá Tân Sơn, Phường 15, quận Tân Bình;

**3.** Ông Đặng Duy H và bà Phạm Thị T đều được miễn án phí hành chính phúc thẩm;

Hoàn trả cho bà Phạm Thị T tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0031813 ngày 01/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

**4.** Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND tỉnh TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**

